

ĐÁNH GIÁ TỔN THƯƠNG VÀ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI Ở HỘ GIA ĐÌNH TRƯỚC THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG KHU VỰC THUỘC QUẬN BÌNH THỦY VÀ HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lê Anh Tuấn và Trần Thị Kim Hồng¹

ABSTRACT

A structured questionnaire-interview based survey on the impacts of natural disasters and climate change on households level was carried out in 4 areas of Binh Thuy and Vinh Thanh districts, Can Tho city. There were 200 households which are randomly chosen in the survey areas for two districts.

The survey results showed that collected information was realistic and relevant to local people's expectations. Local people in rural areas suffered more impacts of climate change than those who lived in suburban areas or nearby markets. Children, the elderly, disable people and the poor were the most vulnerable groups. The disaster preparedness of local people was not good enough; information, training courses organized by local authorities were so limited; there were few civil organization of pollution, natural disasters and climate change; local people's behavior or awareness were not changed. Through the discussion, some recommendations for reducing the vulnerability and upgrading the adaptation capacity are given.

Keywords: *structured questionnaire-interview based survey, household, climate change, vulnerability, adaptation*

Title: *Assessing the vulnerability and adaptation capacity of households on natural disasters and climate change in the areas of Binh Thuy district and Vinh Thanh district, Can Tho city*

TÓM TẮT

Một cuộc khảo sát bằng phương pháp phỏng vấn về tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu lên quy mô hộ gia đình đã được thực hiện tại 4 khu vực thuộc quận Bình Thủy và huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Có đến 200 hộ đã được chọn một cách ngẫu nhiên trong các khu vực khảo sát của hai quận huyện.

Kết quả khảo sát cho thấy các thông tin thu được là thực tế và thể hiện các kỳ vọng của cư dân địa phương. Người dân tại các khu vực nông thôn bị tổn thương do các tác động của biến đổi khí hậu nhiều hơn so với người dân sống ở vùng đô thị hoặc ven đô. Trẻ em, người già, người khuyết tật và người nghèo là các nhóm bị tổn thương nhất. Việc phòng ngừa thiên tai của người dân địa phương chưa đủ tốt. Sự chuẩn bị của người dân, thông tin, tập huấn từ chính quyền và các tổ chức dân sự liên quan đến ô nhiễm, thiên tai, biến đổi khí hậu đến với dân chúng chưa nhiều và chưa làm thay đổi nhiều về hành vi của người dân. Qua thảo luận, một số khuyến cáo cho việc giảm nhẹ tổn thương và nâng cao khả năng thích ứng đã được đề xuất.

Từ khóa: *khảo sát dựa vào bảng câu hỏi và phỏng vấn, hộ gia đình, biến đổi khí hậu, tổn thương, thích nghi*

¹ Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

1 GIỚI THIỆU

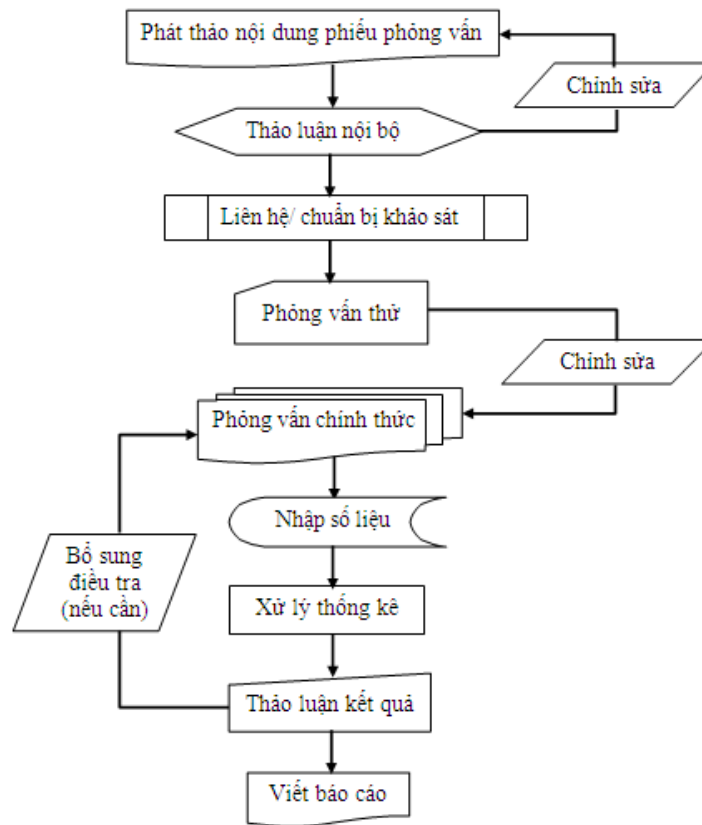
Biến đổi khí hậu và thiên tai có thể làm ảnh hưởng đến sinh kế, sức khỏe và sự ổn định của người dân, đặc biệt là người dân nghèo sống ở vùng ven đô. Để đánh giá tính tổn thương, khả năng chịu đựng trước các rủi ro thiên nhiên ở mức độ hộ gia đình, một khảo sát giới hạn ở quy mô 200 hộ gia đình vùng ven đô, là nơi đang diễn ra quá trình chuyển đổi từ cuộc sống nông thôn qua thành thị. Theo đề xuất của chính quyền địa phương, ở 4 địa điểm thuộc Quận Bình Thủy và Huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ đã được chọn để điều tra khảo sát. Mục tiêu của khảo sát này là lấy kết quả từ thăm dò cộng đồng làm tiền đề cho việc đề xuất các thực hiện dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội địa phương với sự lồng ghép các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

2 ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Phường Bùi Hữu Nghĩa là nơi được chọn làm khảo sát của quận Bình Thủy. Phường có 637,12 ha đất tự nhiên. Hai địa điểm thuộc phường Bùi Hữu Nghĩa được chọn để phỏng vấn hộ gia đình là Khu vực 3 và Cồn Sơn. Khu vực 3 nằm dọc theo đường Cách mạng Tháng 8 hướng từ quận Ninh Kiều đi về phía cầu Bình Thủy. Đặc điểm cư dân khu vực này đa số thuộc nhóm hộ nghèo và trung bình, không có đất canh tác, sống chủ yếu là lao động tay chân, buôn bán nhỏ, ... Cồn Sơn là một cù lao nằm phía hữu ngạn sông Hậu, kề cận phường Bình Thủy. Cồn Sơn thuộc khu vực 1 của phường Bùi Hữu Nghĩa, có khoảng 90 hộ. Đặc điểm dân cư đa số là nghèo, làm nghề nông, có đất canh tác, các điều kiện hạ tầng rất thiếu thốn, khó khăn, đi lại hạn chế do phải dùng đò. Vĩnh Thạnh là một huyện nông thôn, nằm về phía Tây Bắc của thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 410 km². Hai địa điểm được chọn để phỏng vấn hộ gia đình là ấp Bờ Bao và ấp Phụng Quới A. Ấp Phụng Quới A có vị trí thuận lợi về giao thông hơn ấp Bờ Bao vì có đường trải bê-tông đến thị trấn, trong khi ấp Bờ Bao phải dùng đò. Đa số cư dân sống bằng nghề nông, có ruộng đất, chăn nuôi heo. Cuộc sống của họ còn không ít khó khăn do phải chịu đựng các ô nhiễm trong nông nghiệp, thiếu điều kiện thu gom rác, đặc biệt ở ấp Bờ Bao, điều kiện nước sạch và nhà vệ sinh nông thôn rất hạn chế.

Tiếp cận nhanh cộng đồng có thể bằng cách khác nhau như đánh giá nhanh hay đánh giá nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (Participatory/ Rapid Rural Appraisal – PRA/RRA) (Theis and Grady, 1991), qua bảng câu hỏi có cấu trúc kết hợp với phỏng vấn trực tiếp (Stanley và Jaya, 1997, Tuấn, 2006). Việc khảo sát các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu lên hộ gia đình được thực hiện qua bảng câu hỏi kết hợp với phỏng vấn trực tiếp cho những nhóm hộ giàu – trung bình và nghèo khác nhau. Cách tiếp cận này có ưu điểm là có thể nắm bắt các trường hợp và quan điểm khác nhau của nhiều nhóm hộ gia đình. Người được phỏng vấn có sự cắt nghĩa rõ trước khi trả lời theo các câu hỏi có chuẩn bị. Người mù chữ và ít học có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình. Khảo sát này cũng giúp chúng ta rõ hơn sinh hoạt và tập quán của người dân trong khu vực. Việc điều tra được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương nhưng cán bộ chính quyền không tham gia điều tra và phân tích dữ liệu nhằm để bảo đảm tính khách quan. Tổng số mẫu điều tra là 200,

phân đều cho mỗi Quận – Huyện là 100. Mẫu được chọn ngẫu nhiên theo danh sách hộ trong khu vực. Các bước tiến hành theo trình tự như ở hình 1.



Hình 1: Lưu đồ tiến trình khảo sát và xử lý thông tin

Nội dung chính trong phiếu điều tra dạng câu hỏi bán cấu trúc là tìm hiểu cuộc sống của những người trong hộ gia đình liên quan tương đối đến khả năng thích nghi với biến đổi khí hậu và thiên tai, như thông qua các thông tin về số người trong hộ, trình độ học vấn, việc làm thường xuyên hoặc không thường xuyên, thu nhập, các sở hữu đất đai, nhà cửa và các tiện nghi hiện có trong gia đình liên quan đến khả năng tiếp nhận tin tức qua các phương tiện truyền thông đại chúng, các lớp tập huấn về phòng tránh thiên tai và hiểu biết về biến đổi khí hậu ở địa phương, các cảm nhận của họ về các thay đổi thời tiết trước đây và sau này. Cuối cùng là nắm được một số nguyện vọng và đề xuất của người dân thông qua một số câu hỏi mở.

Các số liệu được nhập và xử lý qua bảng tính Microsoft Excel. Các giá trị tính toán tính theo trị trung bình (average) và số trung vị (median). Số trung vị có ưu điểm là tránh được số lẻ như số trung bình nên được dùng nhiều hơn (khi tính tuổi người, số lao động, phân loại,...). Kết quả được lập bảng và phân tích trên số phần trăm (percentage) của tổng số điều tra theo vùng. Kết quả này cũng được sử dụng để sắp hạng (ranking) vấn đề theo số đếm hoặc tỉ lệ cao nhất giảm dần đến số thấp nhất.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Nhìn chung, đa số người dân đều có sự hợp tác tích cực với cán bộ điều tra. Không có trường hợp nào bị loại trong 200 phiếu phỏng vấn. Hầu hết người phỏng vấn nắm được câu hỏi và trả lời gần hết các câu hỏi, đạt 97% số câu hỏi. Các câu hỏi không được trả lời đầy đủ thường rơi vào các câu hỏi về thu nhập, số lượng người phụ thuộc trong gia đình, trình độ học vấn. Những người được phỏng vấn trong từng hộ gia đình chủ yếu là chủ hộ, có một số hộ người trả lời là con lớn trong nhà. Như thông kê ở Bảng 1, đa số người trả lời là nam giới, tuổi người được phỏng vấn trong khoảng 44 – 50 tuổi, đây là tuổi khá lý tưởng cho người có kinh nghiệm trong cuộc sống. Mỗi hộ có khoảng 4-5 người, tỉ lệ nam – nữ gần như xấp xỉ. Số lao động trong hộ từ 2-3 người, số nam lao động nhiều hơn số nữ lao động. Mỗi gia đình đều có ít nhất 2-3 người phụ thuộc (trẻ dưới 14 tuổi, người già trên 60 tuổi hoặc người tàn tật), riêng ở Phụng Quới A có số phụ thuộc cao nhất.

Bảng 1: Thống kê tình trạng gia đình người tham gia trả lời phỏng vấn

TT	Địa điểm	Người trả lời (%)		Tuổi người trả lời (*)	Số nhân khẩu trong hộ (*)	Số lao động chính trong hộ (*)			Số hộ nghèo ở địa phương (*)		
		Nam	Nữ			Tổng	Nữ	Nghèo	Cận nghèo	Trung bình	Giàu
1	Cần Thơ	70	30	49	5	3	1	13	19	48	15
2	Vĩnh Thạnh	82	18	45	5	2	1	19	25	39	13
3	Cồn Sơn	72	28	45	4	3	2	4	34	38	18
4	Bình Thủy	68	32	50	5	3	1	22	4	58	12
5	Bờ Bao	82	18	45	5	3	2	10	34	50	6
6	Phụng Quới A	82	18	44	5	2	1	28	16	26	20
Trung bình (**)		76	24	46	5	3	1	16	22	43	14
Hệ số biến động =		6,69	6,69	2,50				8,69	11,54	11,21	4,94

(*) Tính theo số trung vị (Median)

(**) Tính trung bình làm tròn lên

Trong các hộ được phỏng vấn ở tỉ lệ giàu nghèo theo tiêu chuẩn phân hạng của Nhà nước, tại các điểm điều tra, tỉ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm gấp 2 – 3 lần so với hộ giàu, trong khi số hộ trung bình ở khu vực gần chợ và thị trấn (Bùi Khu vực 3 và Bờ Bao) thì cao hơn so với khu vực xa chợ (Cồn Sơn và Phụng Quới A). Về trình độ học vấn, thống kê cho thấy đa số người chủ hộ có trình độ ở mức tiểu học và trung học cơ sở (cấp 2). Hầu hết các nhà đều có con đi học, bậc học của các con phân bố đều ở các cấp. Các trường hợp hộ có con không được đi học thường trả lời với lý do là con còn nhỏ hoặc kinh tế gia đình khó khăn, một số khác không giải thích lý do.

Liên quan đến nhà ở, toàn bộ các hộ được phỏng vấn đều có nhà riêng, trong đó khoảng 48-62% là nhà cấp 4 (nhà sơ sài, cất tạm bằng vật liệu rẻ tiền, sử dụng dưới 3 năm). Tỉ lệ loại nhà cấp 1 (sử dụng trên 15 năm) chỉ có ở khu vực chợ. Tập quán sinh sống gần sông rạch thể hiện rõ ở vùng nông thôn Vĩnh Thạnh. Riêng ở Bình Thủy, phường Bùi Hữu Nghĩa xem như vùng ngoại ô nên số nhà gần khu công nghiệp nhiều, vùng Cồn Sơn chủ yếu làm nhà gần sông để tiện lấy nước, đi lại. Đánh giá tình trạng sử dụng nhà vệ sinh và nước sinh hoạt trong hộ gia đình, điều tra cho thấy các hộ ở khu vực nông thôn, xa chợ như Cồn Sơn (Bình Thủy) và ấp Phụng Quới A (Vĩnh Thạnh) có tỷ lệ không có nhà vệ sinh hoặc sử dụng cầu cá

khá cao (Bảng 2). Đặc biệt có nhiều hộ vừa có nhà vệ sinh có hầm tự hoại vừa sử dụng luôn cầu cá trong vườn ruộng như một hình thức kiếm thêm thu nhập vừa xử lý chất thải người. Nguồn nước sử dụng trong gia đình thì người dân dùng cả nước mặt để tắm rửa và vừa dùng nước mưa trong mùa mưa và nước máy cho ăn uống. Số lượng dùng giếng khoan cao ở khu vực Bờ Bao. Riêng ở ấp Phụng Quới A chưa có hệ thống nước máy, trong khi đó 100% hộ khu vực phường Bùi Hữu Nghĩa đều có nước máy.

Bảng 2: Phần trăm (%) có nhà vệ sinh và nguồn nước sinh hoạt phân theo địa điểm

Địa điểm (số mẫu)	Nhà vệ sinh*				Nguồn nước			
	Không có	Cầu cá	Nhà xí tạm	Nhà vệ sinh có hầm tự hoại	Nước sông, ao kênh	Nước mưa	Giếng khoan	Nước máy
Bình Thủy (100)	5	36	1	60	46	45	6	51
Khu vực 3(50)	4	0	0	96	0	4	2	100
Cồn Sơn (50)	6	72	2	24	92	86	10	2
Vĩnh Thạnh (100)	30	25	4	41	38	77	49	33
Bờ Bao (50)	10	24	8	58	8	80	58	66
Phụng Quới A (50)	50	26	0	24	68	74	40	0

*Phần nhà vệ sinh, một số nơi không là tỉ lệ tổng 100% do người trả lời cho biết gia đình có nhà vệ sinh nhưng bị hư hỏng chưa sửa được nên đi nhờ nơi khác hoặc đi ngoài đồng. Một số người trả lời họ sử dụng họ sử dụng cả nhà vệ sinh gia đình và cả cầu cá.

Riêng thiết bị trong nhà, khu vực quận Bình Thủy có trang thiết bị dồi dào hơn huyện Vĩnh Thạnh. Các thiết bị có nhiều trong gia đình trong cả 2 nơi được ghi nhận nhiều theo thứ tự là tivi – xe gắn máy – radio – máy bơm nước; điều này cho thấy người dân ưu tiên mua sắm phương tiện nghe – nhìn và đi lại. Riêng máy tính và tủ cứu thương gia đình chiếm tỉ lệ nhỏ, tương xứng giữa trình độ học vấn với nhu cầu học tập và kiến thức phòng chữa bệnh trong người dân. Điều này là do mức thu nhập của người dân vùng ven đô cao hơn vùng nông thôn xa.

Tỉ lệ người dân không có ruộng đất canh tác cao ở Khu vực 3 (60%) và ấp Phụng Quới A (54%). Phần các hộ có đất ở Bình Thủy, trung bình mỗi gia đình có 3-4 công đất, đất dùng làm đất vườn cây ăn trái. Ở ấp Bờ Bao và ấp Phụng Quới A, các hộ có đất trung bình lần lượt là 7,5 công và 14 công. Đất sử dụng ở Vĩnh Thạnh là chủ yếu là đất trồng lúa, một ít sử dụng để nuôi cá. Nguồn thu nhập trong gia đình hiện nay trong các hộ được phỏng vấn không có sự khác biệt lớn giữa các khu vực. Cao nhất là thu nhập từ làm công cho các khu công nghiệp, làm công tự do, kế đến là từ làm vườn, sau đó đến các nguồn khác (như công nhân viên chức nhà nước, lương hưu, do gia đình ở nước ngoài giúp đỡ, con cái gởi tiền hỗ trợ), tiếp theo là làm ruộng và buôn bán – dịch vụ (tỷ lệ thu nhập từ hai hoạt động này xấp xỉ như nhau). Các nguồn thu khác từ hoạt động tiểu thủ công nghiệp rất ít, thu nhập từ chế biến nông sản gần như không đáng kể (Bảng 3).

Bảng 3: Xếp hạng các nguồn thu nhập từ cao đến thấp*

Mức	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Loại hình thu nhập	Làm công ở các nhà máy	Làm vườn tự do	Từ canh tác vườn rẫy, cây ăn trái	Công chức, hưu trí, từ gia đình nước ngoài, con cái giúp đỡ	Làm ruộng, canh tác lúa	Buôn bán nhỏ, dịch vụ	Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong gia đình	Tiền thù công nghiệp	Chế biến nông hải sản

**Trong điều tra này, người dân không xác định được mức thu nhập cụ thể trong năm của gia đình mà chỉ ra những nguồn có thu nhập từ cao đến thấp*

Liên quan đến người tạo ra thu nhập chính trong gia đình, đa số khu vực Bình Thủy cho biết thu nhập chính từ cả nhà cùng làm, trong khi ở Vĩnh Thạnh thì trả lời chính từ các người con trong gia đình. So sánh các khu vực cho thấy giữa người chồng và người vợ, số người tạo thu nhập cho gia đình cao hơn số người vợ từ 2 – 2,5 lần. Giữa nhóm vợ chồng chủ hộ và các con thì ở Bình Thủy cho biết các con kiếm tiền nhiều hơn cha mẹ, ngược lại ở Vĩnh Thạnh thì nhóm cha mẹ tạo thu nhập cao hơn các con. Điều này có thể lý giải là khu vực Bình Thủy là khu ven đô nên các hoạt động kiếm tiền thuận lợi cho người trẻ hơn người lớn tuổi. Ngược lại Vĩnh Thạnh là vùng nông thôn sâu, nguồn thu chủ yếu từ ruộng đất nên người lớn chịu làm việc hơn người trẻ. Khảo sát này cho thấy xu thế người trẻ lên vùng đô thị để sống hơn người lớn tuổi do người trẻ có khả năng thích ứng cao hơn.

Qua điều tra được biết khoảng 50% các người trả lời phỏng vấn ở vùng gần chợ và thị trấn (Khu vực 3 và Bờ Bao) sẵn lòng cho người khác biết nguồn thu nhập của mình nhưng không thể hiện được rõ cụ thể mức thu nhập quy ra tiền, trong khi khu vực nông thôn (Cồn Sơn, Phụng Quới A) thì dè dặt hơn (chỉ 10 – 16% sẵn lòng trả lời). Nguồn vốn làm ăn lớn nhất trong các hộ được phỏng vấn cho biết là vốn riêng của gia đình, nguồn khác từ vay vốn Ngân hàng Chính sách, Ngân hàng Phát triển Nông thôn (ở Vĩnh Thạnh vay nhiều hơn Bình Thủy), các nguồn khác từ sự giúp đỡ của thân nhân. Đặc biệt tỷ lệ vay vốn của tư nhân khá cao ở Vĩnh Thạnh. Điều này liên quan đến chính sách và vận động của địa phương.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các hộ tham gia các tổ chức chính trị - xã hội và được tập huấn thể hiện cho thấy: Hội Phụ nữ có số hộ tham gia nhiều nhất, kế đến là các hội đoàn khác như Hội người cao tuổi, công tác Đảng (vùng Bình Thủy) và Hội Nông dân (vùng Vĩnh Thạnh). Hội đoàn Thanh niên ít người tham gia nhất, có lẽ hoạt động này ít sự hấp dẫn hơn. Do vậy, nếu tổ chức tuyên truyền nên chú trọng vào các Hội Nông dân, Hội Phụ nữ ở các vùng này. Các tập huấn mà người dân tham gia cao là dạy nghề (ở Vĩnh Thạnh), vệ sinh phòng dịch (Khu vực 3, Bờ Bao), phòng chống thiên tai (Khu vực 3, Bờ Bao). Điều lưu ý là vùng nông thôn xa, người dân ít được tiếp cận các loại hình tập huấn (Cồn Sơn, Phụng Quới A). Các tập huấn khác như Chử thập đỏ, Dân quân tự vệ, Khuyến nông, Chống ô nhiễm môi trường,... cũng chủ yếu ở vùng gần chợ. Các lớp tập huấn liên quan đến phòng chống thiên tai như sau: Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, Thanh niên xung kích tình nguyện, Chử thập đỏ (sơ cứu). Các tập huấn này đều do chính quyền quận huyện tổ chức.

Ghi nhận của người được phỏng vấn về thiên tai trong khoảng 5 năm gần đây, xếp loại theo thống kê như Bảng 3. Một cách tổng quát, từ cột xếp hạng ghi nhận, cho thấy người dân lưu ý 5 thay đổi lớn nhất lần lượt là nhiệt độ cao - khô hạn - bão - xói lở - lũ lụt. Các yếu tố như nhiễm mặn, vòi rồng cũng như các bất thường khác đều ghi nhận là không có. Các diễn biến thời tiết thể hiện cho ở Bảng 4.

Bảng 4: Thống kê (%) các ghi nhận của người dân về thiên tai

Các yếu tố thời tiết bất thường	Khu vực 3	Cồn Sơn	Bờ Bao	Phụng Quới A	Xếp theo ghi nhận cao nhất đến thấp nhất
Nhiệt độ cao	100	46	98	88	(1) Nhiệt độ cao
Khô hạn	90	12	58	64	(2) Khô hạn
Nhiễm phèn	0	2	42	0	(3) Bão
Nhiễm mặn	0	0	0	0	(4) Xói lở bờ
Lũ lụt	58	4	30	8	(5) Lũ lụt
Lốc xoáy	26	2	22	42	(6) Lốc xoáy
Bão	56	0	34	18	(7) Sấm sét
Triều cường	10	10	16	20	(8) Nhiệt độ thấp
Sấm sét	22	0	16	48	(9) Triều cường
Nhiệt độ thấp	50	4	30	2	(10) Nhiễm phèn
Xói lở bờ	0	12	42	52	(11) Nhiễm mặn
Vòi rồng	0	0	0	0	(12) Vòi rồng
Các bất thường khác	0	0	0	0	(13) Các bất thường khác

So sánh sự bất thường về thời tiết trong khoảng 5 năm gần đây với chừng 5 – 10 năm về trước, các ghi nhận chủ quan có khác biệt giữa các vùng khác nhau. Bảng 5 ghi nhận một cách tổng quát cho thấy các tác động bởi yếu tố thời tiết bất thường lên sản xuất và cuộc sống ở từng địa phương.

Bảng 5: Các tác động của thời tiết bất thường lên sản xuất và cuộc sống (%)

Các tác động	Khu vực 3	Cồn Sơn	Bờ Bao	Phụng Quới A	Xếp theo ghi nhận cao nhất đến thấp nhất
Năng suất giảm	6	24	60	10	(1) Bệnh tật ở người
Mất mùa	0	4	6	4	(2) Bệnh cây trồng
Thiếu nước uống	0	2	2	0	(3) Năng suất giảm
Gia súc chết, bệnh	0	0	16	2	(4) Gia súc chết, bệnh
Bệnh cây trồng	0	14	62	24	(5) Mất mùa
Bệnh tật ở người	78	0	42	42	(6) Giảm đoạn công việc
Hư hại nhà cửa	2	0	0	0	(7) Mất vốn/ lỗ vốn
Mất việc làm	0	2	0	0	(8) Thiếu nước uống
Phải di tản chỗ ở	0	4	0	0	(9) Phải di tản chỗ ở
Giảm đoạn công việc	4	4	6	0	(10) Hư hại nhà cửa
Mất vốn/ lỗ vốn	2	0	4	2	(11) Mất việc làm
Các thiệt hại khác	0	0	0	0	(12) Các thiệt hại khác

Đánh giá các nhóm đối tượng bị tổn thương được ghi nhận ở bảng 6. Tổng kết chung, trẻ em và người già là 2 nhóm đối tượng chịu tổn thương cao nhất do thiên tai, nhóm phụ nữ và những người lao động ngoài trời bị tổn thương ít hơn.

Bảng 6: Đánh giá (%) nhóm bị tổn thương khi có thiên tai

Nhóm bị tổn thương	Khu vực 3	Cồn Sơn	Bờ Bao	Phụng Quới A	Xếp theo ghi nhận cao nhất đến thấp nhất
Trẻ em	74	48	34	66	(1) Trẻ em
Người già	58	64	26	58	(2) Người già
Phụ nữ	2	22	12	6	(3) Người nghèo
Người khuyết tật	20	16	2	12	(4) Người khuyết tật
Người nghèo	38	14	26	20	(5) Phụ nữ
Người lao động ngoài trời	0	0	0	2	(6) Người lao động ngoài trời

Trao đổi về một số kinh nghiệm của gia đình liên quan với việc đối phó với thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, các ghi nhận sau được đề cập nhiều nhất trong tất cả các hộ:

- 1) Tích trữ lương thực (75%)
- 2) Gia cố nhà cửa (63%)
- 3) Di tản nơi khác khi cần thiết (46%)
- 4) Thông báo cho người khác biết (38%)
- 5) Dời đồ đạc, hàng hóa lên nơi cao (32%)
- 6) Chặt mé nhánh cây, dọn dẹp chướng ngại vật (21%)
- 7) Chấp nhận và chờ đợi thiên tai đi qua (18%).

Điều tra khả năng biết bơi của các thành viên trong gia đình (có thể tự bơi ít nhất 10 mét), hầu hết người chồng và các con lớn biết bơi. Người vợ và con nhỏ thì kém có khả năng bơi. Phường Bùi Hữu Nghĩa có 60% thành viên trong gia đình biết bơi, tỉ lệ phần trăm cho khu vực Cồn Sơn, Bờ Bao và Phụng Quới A lần lượt là 80%, 80% và 90%. Như vậy, tỷ lệ người biết bơi trong vùng điều tra là cao. Việc chuẩn bị vật dụng để đối phó với thiên tai, đứng thứ hạng cao là loại như vật dụng trữ nước, điện thoại, đèn các loại, thuyền bè (Bảng 7). Điều này hợp lý theo tập quán sinh sống xưa nay của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Riêng điện thoại ở đây được người dân cho biết hầu hết là điện thoại di động, chứng tỏ sự bùng nổ của phương tiện thông tin đã trở nên quá phổ biến đến tận vùng nông thôn. Áo phao, tủ cứu thương nằm ở cuối bảng hiện diện cũng tương xứng với khả năng biết bơi của người dân nên không có thói quen mặc áo phao. Toàn bộ các hộ gia đình đều trả lời là không có hầm trú bão ở trong nhà, điều này cũng phù hợp với sự xuất hiện bão khá hiếm hoi trong vùng nên người dân không đầu tư xây dựng hầm trú bão.

Khảo sát cho thấy chỉ có 14% ở Khu vực 3 và 8% ở Cồn Sơn có tham gia một số buổi họp triển khai Phòng chống thiên tai được chính quyền địa phương tổ chức vào đầu mùa mưa. Các thành viên tham dự hầu hết là cán bộ. Ở khu vực Vĩnh Thạnh không có cá nhân nào tham dự các lớp tương tự. Điều này cho thấy việc tổ chức tập huấn phòng tránh thiên tai, biến đổi khí hậu còn hạn chế và phải lưu ý. Đa số người dân đều có nghe về cảnh báo thiên tai qua bản tin dự báo thời tiết được các phương tiện truyền thanh, truyền hình phổ biến. Nguồn thông tin mạnh nhất đến từ truyền hình, thông báo của chính quyền và radio (Bảng 8). Thông tin từ báo chí và nghe người khác nói có mức độ như nhau. Ảnh hưởng của Internet và tập huấn còn rất ít. Người dân ở Bình Thủy có điều kiện tiếp nhận thông tin tốt hơn

huyện Vĩnh Thạnh, điều này cũng khá rõ là vùng đô thị hóa có sự lan tỏa tin tức dễ hơn vùng nông thôn sâu. Trung bình 20% số trả lời là không nghe gì về hiện tượng biến đổi khí hậu trong tương lai. Còn lại đều có nghe biết về cảnh báo thiên tai, chủ yếu vẫn từ truyền hình – báo chí – radio. Khoảng 50 – 60% người dân trong cả hai vùng trả lời là có lo sợ về sự bất thường về thời tiết trong tương lai, còn lại là không lo hoặc chưa nghe thấy nên không biết. Các thông tin, tập huấn từ chính quyền và các tổ chức dân sự liên quan đến ô nhiễm, thiên tai, biến đổi khí hậu đến người chưa nhiều và chưa làm thay đổi nhiều về hành vi của người dân.

Bảng 7: Các vật dụng được gia đình chuẩn bị để đối phó với thiên tai (%)

Vật dụng	Khu vực 3	Cồn Sơn	Bờ Bao	Phụng Quới A	Xếp theo ghi nhận cao nhất đến thấp nhất
Áo phao	10	30	14	14	(1) Vật dụng trữ nước
Hầm trú bão	0	0	0	0	(2) Điện thoại
Dây thừng	14	36	16	4	(3) Đèn pin/bình điện
Vật dụng trữ nước	32	90	80	80	(5) Vật dụng khác
Thuyền/ bè	0	48	24	30	(6) Thuyền/ bè
Tủ cứu thương	20	12	2	4	(7) Dây thừng
Thang cây	20	20	20	2	(8) Áo phao
Điện thoại	86	52	76	48	(9) Thang cây
Đèn pin/bình điện	74	52	54	42	(10) Tủ cứu thương
Vật dụng khác (đèn cầy, đầu)	78	14	36	12	(11) Hầm trú bão

Bảng 8: Thống kê các nguồn thông tin cảnh báo thiên tai (%)

Nguồn thông tin	Khu vực 3	Cồn Sơn	Bờ Bao	Phụng Quới A	Xếp theo ghi nhận cao nhất đến thấp nhất
Báo chí	34	6	8	0	(1) Truyền hình
Radio	32	22	12	8	(2) Chính quyền
Truyền hình	90	60	78	94	(3) Radio
Chính quyền	50	38	58	20	(5) Báo chí
Internet	2	0	0	0	(6) Nghe người khác nói
Nghe người khác nói	16	18	10	4	(7) Internet
Tham dự tập huấn	2	0	0	0	(8) Tham dự tập huấn

Về các bệnh tật liên quan đến thời tiết, các bệnh thường xuất hiện cao nhất là thời gian giao mùa giữa mùa khô sang mùa mưa (Tháng 4 - tháng 6) và mùa mưa sang mùa khô (tháng 10, tháng 11). Một số bệnh như viêm, cảm xuất hiện vào mùa lạnh từ cuối năm đến gần Tết âm lịch (tháng 12, tháng 1). Các bệnh ghi nhận là các bệnh thông thường như cảm cúm, viêm họng chiếm cao nhất (75 - 80%), các dịch bệnh như dịch tả, thương hàn hiếm hoi xuất hiện (15 - 20%). Một số bệnh khác được người dân đưa thêm như ho, huyết áp, nhứt môi, già yếu,... Khi có bệnh, với những bệnh thông thường người dân có khuynh hướng tự đến nhà thuốc tây để tự mua theo thói quen. Bệnh xá là sự lựa chọn kế tiếp, người dân sử dụng thăm khám bệnh qua bảo hiểm y tế nhiều hơn đến bác sỹ tư. Thuốc nam ít được lựa chọn nhất. Sự chọn lựa này không có khác biệt nhiều giữa khu vực.

Về chuyển đổi canh tác, sản xuất để đối phó với thay đổi thời tiết, khí hậu thì rất ít người (6 – 14% so với tổng số) có đề xuất sự chuyển đổi lịch thời vụ và giống, đặc biệt chỉ tập trung ở huyện Vĩnh Thạnh. Điều này cho thấy người dân vẫn chưa chủ động được cho việc đối phó với biến đổi khí hậu với sản xuất. Nhiều người chờ đợi sự hướng dẫn của chính quyền. Để làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, 60 -70 % nêu ý kiến là cần tăng cường khai thông cống rãnh, nạo vét kênh mương, xử lý nước thải, rác thải, hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, không làm nhà vệ sinh trên sông, phạt và giáo dục môi trường cho người dân. Liên quan đến câu hỏi đề xuất làm giảm thiểu tác hại thất thường của thời tiết, các ý kiến không nhiều (10 – 20%), tập trung vào trồng nhiều cây xanh, cung cấp nước sạch, bảo hiểm y tế cho người dân. Các đề nghị thêm (20 – 30%) chú ý vào di dời các khu công nghiệp xa nơi ở của dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm), dạy nghề, trợ vốn làm ăn, giáo dục môi trường.

4 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua điều tra và phân tích cho thấy vùng điều tra không chịu nhiều ảnh hưởng lớn của thiên tai, biến động thời tiết như nhiều vùng khác nhưng dấu vết của sự bất thường của thời tiết là có thật và có ảnh hưởng ít nhiều với đời sống và sản xuất của người dân có khác nhau giữa các vùng.

- Đối với vùng đã thành đô thị: người dân hiểu biết về biến đổi khí hậu tốt hơn và chủ động hơn trong ứng phó với thời tiết bất thường, mức độ tổn thương cũng ít hơn.
- Đối với vùng ven đô: sự hiểu biết về thiên tai ở mức vừa phải và chỉ chủ động một phần đối với các hiện tượng thời tiết bất thường. Tổn thương chính là cho trẻ em, người già, người khuyết tật, người nghèo.
- Đối với các vùng sâu: cuộc sống còn thuần nông, thông tin về khí hậu và thiên tai rất ít, người dân bị động lớn và thiếu các chuẩn bị cần thiết.

Khảo sát này chỉ tập trung ở quận Bình Thủy và huyện Vĩnh Thạnh, do vậy để có cái nhìn tổng quan hơn cần mở rộng sự đánh giá ở các vùng khác như vùng đầu nguồn lũ, vùng ven sông, vùng đất có vấn đề (phèn, mặn, nhiễm bần,...). Nhóm nghiên cứu kiến nghị cần tổ chức thêm các hoạt động truyền thông, tập huấn, và phát hành các tài liệu về phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Cần thiết xây dựng một số mô hình người dân tự ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu để làm cơ sở hoàn chỉnh và phổ biến và chính quyền địa phương sớm xây dựng chiến lược và quy hoạch phòng chống và ứng phó với biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Joachim Theis and Heather M. Grady, 1991. *Participatory Rapid Appraisal for Community Development (Sustainable Agriculture Programme - Rapid Rural Appraisal)*. International Institute for Environment and Development.
- Lê Anh Tuấn, 2006. *Phân tích dự án phát triển nông thôn*. Giáo trình Đại học Cần Thơ. Có thể truy cập trực tuyến ở <http://www.leanhtuan.com/eBook.html>
- Stanley Gajanayake và Jaya Gajanayake, 1997. *Nâng cao năng lực cộng đồng* (Phạm Đình Thái dịch thuật, Nguyễn Thị Oanh hiệu đính), Nhà xuất bản Trẻ TP.HCM.